

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2021/HS-PT

Ngày: 09 - 11- 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thành Dương.

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Hồng Luyện.

Ông Trần Vĩnh Yên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Công Du – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 154/2021/TLPT-HS ngày 07/5/2021 đối với các bị cáo T1, T2, H do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 17/2021/HS-ST ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Z1.

***- Bị cáo có kháng cáo:***

**1. T1** (tên gọi khác: T1 đầu bạc, T1 xạo) – sinh năm: 1977, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: X1, thị trấn Y1, huyện Z1, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Con ông Nguyễn Hồng S (đã chết) và bà Nguyễn Thị S – 1953; Vợ: Huỳnh Thị Kim H – 1985; Có 01 con sinh năm 2005; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/01/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Z1, tỉnh Đồng Nai xử phạt 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” theo bản án 06/2021/HS-ST. Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2020 đến nay. *(có mặt)*

**2. T2** – sinh năm: 1972, tại Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: X2, xã Y2, huyện Z1, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Hòa – 1939 và bà Trần Thị T – 1945; Vợ: Lý Thị Thu S – 1973 (đã ly hôn); Con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 14/10/2004, bị Tòa án nhân dân huyện Z1, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 tháng 02 ngày tù về tội “Hủy hoại tài sản” theo bản án số 59/HSST, chấp hành xong bản án tháng 4/2005. Ngày 29/01/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Z1, tỉnh Đồng Nai xử phạt 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” theo bản án 06/2021/HS-ST. Bị tạm giữ từ ngày 16/6/2020 đến ngày 24/6/2020. Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2020 đến nay. (có mặt)

**3. H** – sinh năm: 1981, tại Nam Định; Nơi cư trú: X3, thị trấn Y1, huyện Z1, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Con ông Bùi Quang T (đã chết) và bà Ngô Thị V (đã chết); Vợ: Phạm Thị Mỹ D – 1982; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 05/02/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Z1, tỉnh Đồng Nai xử phạt 7.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” theo bản án số 21/2013/HSST, chấp hành xong tháng 12/2013; Ngày 19/6/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Z1, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo bản án số 75/2015/HSST, chấp hành xong tháng 10/2015; Ngày 14/7/2017, bị Công an huyện Z1, tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.500.000 đồng về hành vi “Che giấu việc đánh bạc”, chấp hành xong ngày 24/8/2017; Ngày 24/01/2018, bị Công an huyện Z1 xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép”, chấp hành xong ngày 24/9/2018; Bị tạm giữ từ ngày 16/6/2020 đến ngày 24/6/2020. Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2020 đến nay. (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 40 phút ngày 16/6/2020, Công an huyện Z1 phối hợp Công an xã Y4 bắt quả tang T2, B, T3 đang đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới

hình thức chơi bài “Bình xập xám”, gồm 02 sòng bạc tại chòi rầy của T4, thuộc ấp X5, xã Y4, huyện Z1, tỉnh Đồng Nai cùng tang vật.

Cơ quan Công an thu giữ:

- Tại sòng bạc thứ nhất (trong nhà của Trung):
  - + Tiền mặt thu trên chiếu bạc là 7.200.000 đồng.
  - + 02 bộ bài tây đã qua sử dụng.
  - + 02 điện thoại di động của T3 và P.
- Tại sòng bạc thứ hai (ngoài sân nhà của Trung):
  - + Tiền mặt thu trên chiếu bạc là 6.600.000 đồng.
  - + 02 bộ bài tây đã qua sử dụng.
  - + 02 điện thoại di động của T2 và B.

Ngoài ra, còn thu giữ 10 xe mô tô biển số gồm 60B4-956.03; 60B4-757.68; 60P8-0835; 60B4-317.39; 60B4-526.54; 60B4-803.56; 60B4-338.82; 60V3-2978; 60AD-027.88, 60T2-6972; 01 điện thoại di động Samsung màu trắng đen của P2 thu được gần khu vực đánh bạc.

Quá trình điều tra các đối tượng khai nhận như sau:

Tại sòng bạc thứ nhất: Vào khoảng 09 giờ 40 phút ngày 16/6/2020, T3 sử dụng điện thoại Nokia màu đen, số thuê bao 0989.612.693 gọi rủ T1, P và Vòng Chánh S đến chòi rầy của cháu mình là T4 tại ấp X5, xã Y4, huyện Z1 để đánh bạc. Sau đó, T1 sử dụng điện thoại Samsung màu đen số thuê bao 0966.183.070 gọi rủ thêm H và T2 cùng đến tham gia đánh bạc. T3 mua 04 bộ bài tây để làm công cụ đánh bạc.

Khoảng 10 giờ cùng ngày, T3, T1, P và S bắt đầu đánh bạc bằng hình thức “Bình xập xám” trong chòi rầy của Trung, còn T2 và H ngồi xem. Sòng bạc do T3, T1, P và S thực hiện, quy định mức thắng thua mỗi chi là 50.000 đồng.

Số tiền đánh bạc của các bị cáo đã làm rõ được như sau:

- T3 sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T3 thắng 500.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, Công an thu 2.000.000 đồng tại vị trí T3 đang ngồi.
- T1 sử dụng 2.000.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T1 không thắng không thua. Khi bỏ chạy, T1 bỏ lại 700.000 đồng tại chiếu bạc và cầm theo 1.300.000 đồng bỏ chạy. Khi ra đầu thú, T1 giao nộp lại số tiền 1.300.000 đồng.

- Vòng Chánh S sử dụng 3.000.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, S thua 1.000.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, S bỏ chạy và vớt lại trên chiếu bạc 2.000.000 đồng.

- P sử dụng 2.000.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, P thắng 500.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, P bỏ chạy và vớt lại trên chiếu bạc 2.500.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo T3, T1, S và P dùng vào việc đánh bạc là 8.500.000 đồng.

Tại sòng bạc thứ hai: Khoảng 12 giờ cùng ngày, T4 từ Biên Hòa về nhà thì thấy các đối tượng đang đánh bạc. Lúc này có thêm P2 và B đến nhà Trung nên Trung cùng với T2, H, P2 và B đã rủ nhau ra ngoài sân đánh bạc bằng hình thức “Binh xập xám”. Trung và B chung nhau 01 tụ, T2, H và P2 mỗi người một tụ. Các bị cáo Trung, P2, T2, B và H sử dụng 02 bộ bài của T3 đã mua trước đó để làm công cụ đánh bạc. Sòng bạc do Trung, P2, T2, B và H quy định mức thắng thua mỗi chi là 100.000 đồng.

Số tiền đánh bạc của các bị cáo đã làm rõ được như sau:

P2 sử dụng 6.000.000 đồng dùng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, P2 thua khoảng 700.000 đồng, P2 vớt lại chiếu bạc số tiền 5.000.000 đồng và mang theo 300.000 đồng bỏ chạy. Khi đến Công an đầu thú, P2 đã giao nộp lại số tiền 300.000 đồng.

- H mang theo số tiền 2.500.000 đồng dùng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, H thua 2.000.000 đồng và mang theo 500.000 đồng bỏ chạy. Khi đến Công an đầu thú, H đã giao nộp số tiền 500.000 đồng.

- T2 sử dụng 3.500.000 đồng dùng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T2 thua 2.000.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, Công an thu giữ trong người T2 số tiền 1.500.000 đồng.

- T4 sử dụng số tiền 500.000 đồng dùng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Trung thắng 4.800.000 đồng, Trung mang theo toàn bộ số tiền 5.300.000 đồng bỏ chạy và rơi mất trên đường trốn chạy.

- B không tham gia đặt cược riêng mà hùn ké tụ với Trung, mỗi chi 50.000 đồng, số tiền mà B sử dụng vào việc đánh bạc là 200.000 đồng. Quá trình đánh bạc, B thua 100.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, Công an thu giữ trên người B số tiền 100.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo P2, H, T2, Trung và B sử dụng vào việc đánh bạc là 12.700.000 đồng.

Hình thức đánh bạc “Bình xập xám” như sau: Người làm cái sử dụng bộ bài tây 52 lá bài chia đều cho 04 tụ, mỗi tụ 13 lá bài để xếp thành 03 chi, chi đầu và chi 02 mỗi chi 05 lá bài, chi cuối 03 lá bài. Người chơi phải sắp xếp sao cho chi trước mạnh hơn chi sau, các chi có liên kết theo quy định như: Mậu thầu (không có liên kết các lá bài); đôi, thú (02 đôi); Sám chi (03 lá bài cùng một số); Sảnh (05 lá bài có số liên tiếp nhau); Thùng (05 lá bài cùng chất); Cù lũ (01 sấm, 01 đôi); Tứ quý (04 lá bài cùng 01 số); Thùng phá sảnh (Dây đồng chất). Sau khi xếp bài xong, nhà cái lần lượt so bài với các tụ bài con để xem kết quả tính thắng thua, nếu bài nhà nào thắng từ 02 chi trở lên thì thắng ván đó. Nếu người chơi có bài “Mậu binh” như: Rồng cuốn, sảnh rồng; 05 đôi 01 sấm; Lục phé bốn (06 đôi); 03 thùng; 03 sảnh hoặc tứ quý; thùng phá sảnh, thì thắng luôn mà không cần so bài. Nếu bài nhà cái thắng thì nhà cái được quyền ăn toàn bộ mà số tiền tụ bài con đã đặt cược trước đó và ngược lại sẽ phải chung đủ tiền cho tụ bài con nếu thua. Số tiền đặt cược mỗi chi từ 50.000 đồng (sòng trong nhà) đến 100.000 đồng (sòng ngoài sân), làm cái xoay vòng, mỗi người làm cái ba lượt.

Đến khoảng 16 giờ 40 phút cùng ngày, khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an bắt quả tang T3, T2 và B cùng tang vật; còn T1, P, S, P2, H, Trung và Mẫn chạy thoát. Đến ngày 16/6/2020, Vòng Chánh S, P, H ra đầu thú. Ngày 18/6/2020, P2 ra đầu thú. Ngày 24/6/2020, T1 ra đầu thú. Ngày 27/7/2020, T4 ra đầu thú.

Vật chứng vụ án:

- Tại sòng bạc thứ nhất: Số tiền 8.500.000 đồng, trong đó:
  - + Thu tại chiếu bạc 7.200.000 đồng. Bao gồm: Thu tại vị trí T3 ngồi 2.000.000 đồng; số tiền 5.200.000 đồng là do các bị cáo khác rút lại khi bỏ chạy.
  - + Số tiền T1 nộp lại khi ra đầu thú: 1.300.000 đồng.
- Tại sòng bạc thứ hai: Số tiền 7.400.000 đồng, trong đó:
  - + Tiền thu trên chiếu bạc là 5.000.000 đồng được xác định là số tiền mà P2 rút bỏ lại chiếu bạc khi bỏ chạy;
  - + Tiền thu trong người các bị cáo khi bắt quả tang: 1.600.000 đồng, gồm 1.500.000 đồng thu trên người T2 và 100.000 đồng thu trên người B.

+ Tiền do các bị cáo nộp khi đầu thú: 800.000 đồng. Trong đó: H 500.000 đồng, P2 300.000 đồng.

Tổng cộng 02 sòng bạc là: 15.900.000 đồng.

Đối với số tiền 5.300.000 đồng là số tiền đánh bạc mà Trung đã mang theo khi bỏ chạy nhưng đã làm rơi, Cơ quan điều tra đã tổ chức tìm kiếm và thông báo truy tìm nhưng chưa tìm thấy.

- 08 điện thoại di động các loại (khi bắt quả tang Công an thu giữ 05 điện thoại, các đối tượng ra đầu thú giao nộp 03 điện thoại), đã làm rõ được như sau:

Đối với điện thoại Nokia màu đen số thuê bao 0989.612.693 thu giữ của T3, 01 điện thoại Samsung màu hồng số thuê bao 034.9989.253 thu giữ của P, 01 điện thoại Samsung J7 màu đen số thuê bao 036.448.7061 của Vòng Chánh S, 01 điện thoại Samsung màu đen số thuê bao 0966.183.070 của T1, 01 điện thoại Samsung màu đen số thuê bao 088.9054.333 của T2 và 01 điện thoại Mastel số thuê bao 0888.747.898 của H. Qua điều tra xác định đây là công cụ, phương tiện các bị cáo T3, P, S, T1, T2 và H liên lạc với nhau để rủ nhau đánh bạc.

Đối với điện thoại Samsung màu trắng số thuê bao 0985927528 thu giữ của P2 và điện thoại Nokia màu xanh số thuê bao 0976645232 thu giữ của B. Qua điều tra xác định P2 và B không sử dụng điện thoại vào mục đích đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho B và P2.

- 04 bộ bài tây đã qua sử dụng.

- 10 xe mô tô các loại đã thu giữ. Quá trình điều tra, xác định các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho các chủ sở hữu.

Đối với Chăn Chiu Mẩn có hành vi che giấu việc đánh bạc, Công an huyện Z1 có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z1 ra quyết định xử phạt hành chính đối với Mẩn.

**Tại bản án sơ thẩm số 17/2021/HS-ST ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Z1 đã quyết định:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự cho các bị cáo; Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 2 và Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho các bị cáo T3, P2, Trung, B, S, P;

- Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Các điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Các bị cáo H, T2, T1, T3, B, P2, T4, Vòng Chánh S và P phạm tội “Đánh bạc”.

**Xử phạt:**

**- Bị cáo H 10 (mười) tháng tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 16/6/2020 đến ngày 24/6/2020.

**- Bị cáo T2 10 (mười) tháng tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 16/6/2020 đến ngày 24/6/2020.

**- Bị cáo T1 10 (mười) tháng tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

**- Bị cáo T3 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.** Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**- Bị cáo B 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.** Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**- Bị cáo P2 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.** Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**- Bị cáo T4 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.** Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**- Bị cáo Vòng Chánh S 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.** Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**- Bị cáo P 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.** Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo T1, T2, H kháng cáo xin được hưởng án treo.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:*

Kháng cáo của các bị cáo đúng quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 là đúng quy định, xử phạt các bị cáo với hình phạt là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo không cung cấp được các tình tiết nào mới nên không có căn cứ

xem xét kháng cáo của các bị cáo. Do đó đề nghị Hội xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo được thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã nêu. Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận vào khoảng 10 giờ ngày 16/6/2020, tại chòi rẫy của T4, thuộc ấp X5, xã Y4, huyện Z1, tỉnh Đồng Nai, T3, Vòng Chánh S, P, T1, T2, P2, H, T4 và B có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài “Bình xập xám” thắng thua bằng tiền. Số tiền dùng vào việc đánh bạc trong sòng bạc bị cáo T1 tham gia là 8.500.000 đồng. Số tiền dùng vào việc đánh bạc trong sòng bạc có các bị cáo T2, H là 12.700.000 đồng.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để đã xét xử các bị cáo một mức hình phạt phù hợp, tương xứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Trong vụ án này, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đều có nhân thân xấu, mới vừa bị Tòa án xét xử về tội đánh bạc lại phạm tội trở lại trong thời gian ngắn nên cần phải mức án nghiêm khắc để răn đe các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điểm a, Khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.



Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T1, T2, H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2021/HS-ST ngày 23/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Z1.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên bố các bị cáo T1, T2, H phạm tội “Đánh bạc”.**

**Xử phạt:**

- Bị cáo T1 10 (mười) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo T2 10 (mười) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 16/6/2020 đến ngày 24/6/2020.

- Bị cáo H 10 (mười) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 16/6/2020 đến ngày 24/6/2020.

**2. Các Bị cáo T1, T2, H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000đ.**

**3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 17/2021/HS-ST ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Z1 không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.**

Bản án phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng Công an tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện Định Quán; (02)
- Công an huyện Z1;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán;
- Chi cục THA dân sự huyện Định Quán;
- UBND xã (phường) nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thành Dương**